

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Vinavico	105.500.000	105.500.000
Cho vay không tính lãi	2.110.000.000	2.110.000.000
Phải thu của cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc	484.565.100	1.025.103.700
Phải thu khác	59.512.251	9.987.025
<b>Cộng</b>	<b><u>2.759.577.351</u></b>	<b><u>3.250.590.725</u></b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(2.710.625.630)	(1.391.084.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(780.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(2.710.625.630)	(611.084.000)
Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi	(2.110.000.000)	(2.110.000.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.820.625.630)</u></b>	<b><u>(3.501.084.000)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.501.084.000)	(980.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.319.541.630)	(411.084.000)
Phân loại lại	-	(2.110.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(4.820.625.630)</u></b>	<b><u>(3.501.084.000)</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.462.026.370	1.646.740.006
Công cụ, dụng cụ	69.058.000	59.544.544
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.195.993.498	34.314.269.817
Hàng gửi đi bán	167.176.688	167.176.688
<b>Cộng</b>	<b><u>36.894.254.556</u></b>	<b><u>36.187.731.055</u></b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.466.528.107	2.834.225.380
Tài sản thiếu chờ xử lý	770.522.531	943.294.806
<b>Cộng</b>	<b><u>3.237.050.638</u></b>	<b><u>3.777.520.186</u></b>

 NG  
10  
HA N


 NG  
10  
HA N

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	20.443.846.812	2.626.088.226	627.097.266	42.380.952	23.739.413.256
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.080.283.024)	-	-	(1.080.283.024)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.443.846.812</b>	<b>1.545.805.202</b>	<b>627.097.266</b>	<b>42.380.952</b>	<b>22.659.130.232</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.474.872.722	412.187.499	44.127.273	42.380.952	16.973.568.446
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	19.110.970.186	1.832.446.710	280.328.571	39.388.117	21.263.133.584
Tăng trong năm do khấu hao	686.604.974	362.076.329	89.064.860	1.822.837	1.139.569.000
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	(728.418.991)	-	-	(728.418.991)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.797.575.160</b>	<b>1.466.104.048</b>	<b>369.393.431</b>	<b>41.210.954</b>	<b>21.674.283.593</b>

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	1.332.876.626	793.641.516	346.768.695	2.992.835	2.476.279.672
<b>Số cuối năm</b>	<b>646.271.652</b>	<b>79.701.154</b>	<b>257.703.835</b>	<b>1.169.998</b>	<b>984.846.639</b>

### Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - -  
Đang chờ thanh lý - -

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 19.424.297.000 VND và 563.211.459 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Vinavico (*)	1.200.000	13.556.756.756	1.260.000	13.556.756.756
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp khoáng sản Vinavico		100.000.000		100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.200.000</b>	<b>13.656.756.756</b>	<b>1.260.000</b>	<b>13.656.756.756</b>

(\*) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinavico đã niêm yết với mã cổ phiếu là CTA. Tuy nhiên, số cổ phiếu này chưa được lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Trong năm có phát sinh giảm do bán 60.000 cổ phiếu thường với số tiền là 224.489.555 VND.

**11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinavico được trích lập căn cứ vào giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Vinavico.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm		Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	348.650.095	2.282.727	(218.993.566)		131.939.256
Chi phí sửa chữa	208.961.341	-	(117.855.921)		91.105.420
<b>Cộng</b>	<b>557.611.436</b>	<b>2.282.727</b>	<b>(336.849.487)</b>		<b>223.044.676</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.004.251.465	16.577.011.172
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình <sup>(a)</sup>	11.446.073.751	11.718.833.458
Ngân hàng TMCP An Bình <sup>(b)</sup>	4.558.177.714	4.858.177.714
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.300.000.000	1.542.000.000
Phạm Dũng Tiến	1.000.000.000	-
Trần Thị Tuyết Nhung	-	454.000.000
Nguyễn Thành Đông	300.000.000	390.000.000
Nguyễn Thị Lương	-	250.000.000
Lê Thị Ngọc	-	248.000.000
Trần Thị Minh	500.000.000	100.000.000
Nguyễn Đình Sao	-	100.000.000
Nguyễn Thị Thu Hiền	500.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	104.500.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	104.500.000
<b>Cộng</b>	<b>18.304.251.465</b>	<b>18.223.511.172</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định có nguyên giá 19.424.297.000 VND và giá trị còn lại là 563.211.459 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình để bổ sung vốn lưu động thi công công trình thủy điện Lai Châu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.577.011.172	6.957.567.626	(7.530.327.333)	16.004.251.465
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.542.000.000	4.158.000.000	(3.400.000.000)	2.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	104.500.000	-	(104.500.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>18.223.511.172</b>	<b>11.115.567.626</b>	<b>(11.034.827.333)</b>	<b>18.304.251.465</b>

### 14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng 16 VINACONEX	3.427.591.218	3.427.591.218
DNTN Xăng dầu Đức Long	3.087.642.350	-
Công ty Liên hợp Xây dựng Hoàng Liên Sơn	2.638.441.248	2.638.441.248
Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại An	2.200.765.220	-
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu xây dựng	1.749.222.724	2.549.222.724
Công ty Cổ phần Đất Việt	1.020.315.768	2.020.315.768
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	1.979.854.571	1.940.034.571
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Hiếu	1.692.910.029	1.692.910.029
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tây Đô	1.297.137.154	1.297.137.154
Doanh nghiệp tư nhân Công Chiến	776.516.631	776.516.631
Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng 719	732.388.540	732.388.540
Công ty TNHH Một thành viên Minh Hiền	584.481.019	674.481.019
Công ty Cổ phần Kinh Bắc	467.854.199	467.854.199
Thầu phụ dự án Bản Chát - Nguyễn Đức Quỳnh	588.521.819	444.488.819
Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	490.959.899	-
DNTN Vận tải Hùng Cường tại Lai Châu	305.443.369	305.443.369
Công ty Cổ phần Thương mại và Chi nhánh Toàn Cầu	44.980.630	274.980.630
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	274.000.000	274.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ H&A Hoài Anh	272.387.988	272.387.988
Công ty Cổ phần Vinavico Đầu tư	-	258.924.425
Công ty Cổ phần Khánh Dung	255.665.007	255.665.007
Công ty Cổ phần Vinavico	230.018.284	230.018.284
Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà	209.326.000	209.326.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác mỏ Khang Thịnh	155.451.532	205.451.532
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật Abel Việt Nam	249.370.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	325.320.096	-
Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thanh	589.120.000	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Phú Toàn	422.985.200	-
Công ty TNHH Một thành viên Phương Nam HD	572.000.000	-
Các đối tượng khác	3.386.968.412	2.808.069.841
<b>Cộng</b>	<b>30.027.638.907</b>	<b>23.755.648.996</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Agrita Quảng Nam	2.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tuần Châu Hà Nội	1.464.242.788	1.461.242.788
Tổng Công ty Sông Hồng	-	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.064.242.788</u></b>	<b><u>2.261.242.788</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.312.030.861	972.557.011	(115.729.660)	2.168.858.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.131.596.194	-	-	1.131.596.194
Thuế thu nhập cá nhân	293.016.175	35.525.336	-	328.541.511
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.736.643.230</u></b>	<b><u>1.427.855.945</u></b>	<b><u>(118.729.660)</u></b>	<b><u>3.628.290.049</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.845.667.080)	(9.100.727.019)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	284.175.268	156.873.475
<i>Lãi vay cá nhân vượt mức quy định</i>	-	19.562.559
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	28.863.627	31.961.000
<i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	188.111.641	105.349.916
<i>Phụ cấp hội đồng quản trị không tham gia điều hành</i>	67.200.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(4.561.491.812)	(8.943.853.544)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(4.561.491.812)	(8.943.853.544)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

3171  
CÔNG  
CỔ P  
TƯ, X  
KHAI  
VINA  
TỪ LI1  
1  
01  
4  
01  
A  
A1  
1  
1

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí phải trả thầu phụ	3.136.586.721	3.136.586.721
Trích trước chi phí vật tư	-	1.149.444.231
Trích trước các khoản phụ cấp phải trả HĐQT	119.400.000	130.600.000
Chi phí phải trả khác	37.141.628	64.641.628
<b>Cộng</b>	<b><u>3.293.128.349</u></b>	<b><u>4.481.272.580</u></b>

#### 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.448.727.552	1.218.877.896
Kinh phí công đoàn	454.443.264	438.742.463
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	323.183.863	323.183.863
Lãi vay phải trả	2.319.392.986	1.527.992.651
Các khoản phải trả khác	150.853.000	149.853.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.696.600.665</u></b>	<b><u>3.658.649.873</u></b>

55  
T  
H  
Ả  
Y  
T  
H  
Á  
V  
I  
C  
M

15-  
H  
Ả  
Y  
T  
H  
Á  
V  
I  
C  
M

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	43.999.960.000	2.943.790.000	338.599.813	1.370.000.000	799.974.219	(2.327.466.520)	47.124.857.512
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(9.100.727.019)	(9.100.727.019)
Cổ tức 2011 chưa trả tăng lại lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	1.319.998.800	1.319.998.800
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>43.999.960.000</b>	<b>2.943.790.000</b>	<b>338.599.813</b>	<b>1.370.000.000</b>	<b>799.974.219</b>	<b>(10.108.194.739)</b>	<b>39.344.129.293</b>
Số dư đầu năm nay	43.999.960.000	2.943.790.000	338.599.813	1.370.000.000	799.974.219	(10.108.194.739)	39.344.129.293
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(4.845.667.080)	(4.845.667.080)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>43.999.960.000</b>	<b>2.943.790.000</b>	<b>338.599.813</b>	<b>1.370.000.000</b>	<b>799.974.219</b>	<b>(14.953.861.819)</b>	<b>34.498.462.213</b>

(\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13 tháng 5 năm 2013.

**Chi tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	43.999.960.000	43.999.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.943.790.000	2.943.790.000
<b>Cộng</b>	<b>46.943.750.000</b>	<b>46.943.750.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.399.996	4.399.996
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.399.996	4.399.996
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.399.996	4.399.996
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.399.996	4.399.996
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.399.996	4.399.996
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	25.835.714.847	18.956.355.232
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	812.724.920	136.476.557
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.307.982.924	920.865.934
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	23.715.007.003	17.899.012.741
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>25.835.714.847</u></b>	<b><u>18.956.355.232</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	628.145.363	129.770.027
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	854.661.653	888.693.323
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	19.569.663.532	19.795.207.339
<b>Cộng</b>	<b><u>21.052.470.548</u></b>	<b><u>20.813.670.689</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.340.258	9.395.619
Lãi tiền cho vay	59.883.334	3.066.666
Lãi bán cổ phiếu thưởng	224.489.555	
<b>Cộng</b>	<b><u>287.713.147</u></b>	<b><u>12.462.285</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.661.096.332	3.165.834.915
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.504.679.551	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.165.775.883</u></b>	<b><u>3.165.834.915</u></b>

T.C.P. ION

AN TÂN HÀ NỘI



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.399.805.292	1.852.801.695
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.062.676	11.184.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	270.473.343	319.519.391
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	1.319.541.630	411.084.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	533.994.674	781.085.935
Chi phí bằng tiền khác	103.228.590	400.804.621
<b>Cộng</b>	<b><u>3.645.106.205</u></b>	<b><u>3.779.480.277</u></b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	472.727.273	130.000.000
Các khoản thuế được hoàn	-	5.500.419
<b>Cộng</b>	<b><u>472.727.273</u></b>	<b><u>135.500.419</u></b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	351.864.033	48.909.516
Lãi chậm nộp bảo hiểm	188.111.641	105.349.916
Khấu hao tài sản cố định tạm ngừng hoạt động để sửa chữa	34.790.926	291.799.642
Chi phí khác	3.703.111	-
<b>Cộng</b>	<b><u>578.469.711</u></b>	<b><u>446.059.074</u></b>

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.845.667.080)	(9.100.727.019)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.845.667.080)	(9.100.727.019)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.399.996	4.399.996
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(1.101)</u></b>	<b><u>(2.068)</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.399.996	4.399.996
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>4.399.996</u></b>	<b><u>4.399.996</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập	578.849.106	431.110.219

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần truyền thông Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Vinavico đầu tư	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm</i></b>		
Doanh thu xây lắp	5.895.027.955	11.217.448.195
Doanh thu cho thuê máy	-	449.230.769
Mua vật tư	364.042.885	714.230.502
Chi phí thuê máy	-	797.778.808
Chi phí thuê văn phòng	182.747.711	215.123.082
<b><i>Công ty Cổ phần Vinavico đầu tư</i></b>		
Doanh thu xây lắp	4.788.069.333	-
Chi phí sửa chữa, thay thế động cơ	-	484.861.841
Mua nguyên vật liệu	-	147.977.000
Chi phí vận chuyển máy	78.300.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Công trình ngầm</i></b>		
Phải thu về giá trị xây lắp	25.911.143.650	25.892.251.467
Phải thu về lãi cho vay	50.233.334	323.959
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico</i></b>		
Cho vay	1.960.000.000	1.960.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần truyền thông Vinavico</i></b>		
Cho vay	150.000.000	150.000.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinavico

Tiền lãi cho vay	105.500.000	105.500.000
<b>Công ty Cổ phần Vinavico đầu tư</b>		
Phải thu tiền ứng trước công trình	552.080.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>28.728.956.984</b>	<b>28.108.075.426</b>

### Công ty Cổ phần Công trình ngầm

Phải trả tiền mua vật tư	219.335.096	-
Phải trả tiền thuê văn phòng	105.985.000	-

### Công ty Cổ phần Vinavico

Phải trả tiền mua vật tư	230.018.284	230.018.284
--------------------------	-------------	-------------

### Công ty cổ phần Vinavico đầu tư

Phải trả tiền sửa chữa thay thế động cơ	-	258.924.425
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>555.338.380</b>	<b>488.942.709</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư, hàng hóa và Cho thuê máy thi công

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23.715.007.003	2.120.707.844	25.835.714.847
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.715.007.003</b>	<b>2.120.707.844</b>	<b>25.835.714.847</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.145.343.471	637.900.828	4.783.244.299
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.645.106.205)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.138.138.094
Doanh thu hoạt động tài chính			287.713.147
Chi phí tài chính			(6.165.775.883)
Thu nhập khác			472.727.273
Chi phí khác			(578.469.711)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(4.845.667.080)</b>

17  
ÔNG  
CỔ P  
TƯ,  
KHAI  
VIN  
TƯ LI

00  
ẢNH  
TY  
NH  
VAT  
C  
IA N  
-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực kinh doanh xây lắp</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>2.282.727</u>	<u>-</u>	<u>2.282.727</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>1.476.418.487</u>	<u>-</u>	<u>1.476.418.487</u>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.899.012.741	1.057.342.491	18.956.355.232
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>17.899.012.741</u>	<u>1.057.342.491</u>	<u>18.956.355.232</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.896.194.598)	38.879.141	(1.857.315.457)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.779.480.277)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(5.636.795.734)
Doanh thu hoạt động tài chính			12.462.285
Chi phí tài chính			(3.165.834.915)
Thu nhập khác			135.500.419
Chi phí khác			(446.059.074)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>(9.100.727.019)</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>2.602.702.810</u>	<u>153.748.607</u>	<u>2.756.451.417</u>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<b>Lĩnh vực kinh doanh xây lắp</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	85.331.608.066	-	85.331.608.066
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5.341.965.372	477.703.754	5.819.669.126
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			13.480.804.971
<i>Tổng tài sản</i>			<u>104.632.082.163</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	37.228.468.416	-	37.228.468.416
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	26.397.784.534	2.360.614.472	28.758.399.006
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.146.752.528
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<u>70.133.619.950</u>

559  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 ĐẦU TƯ,  
 XÂY DỰNG  
 VÀ KHAI  
 THÁC MỎ  
 VINAVICO  
 M-7

7/01  
 ỦY BAN  
 GIÁM ĐỐC  
 P. H. T.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực kinh doanh xây lắp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	71.187.301.366	-	71.187.301.366
Tài sản phân bổ cho bộ phận	19.349.777.594	1.143.043.046	20.492.820.640
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			6.327.817.911
<b>Tổng tài sản</b>			<b>98.007.939.917</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	28.041.679.948	-	28.041.679.948
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	25.840.554.398	1.526.470.569	27.367.024.967
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.255.105.709
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>58.663.810.624</b>

### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

#### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu khả năng tài chính của đơn vị trước khi giao dịch. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm và Công ty Cổ phần Khoáng sản An Vượng với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 53,49% và 24,86% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 74% và 0%). Các khách hàng khác có số dư chiếm không quá 22% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Các khoản cho vay**

Công ty cho các công ty trong cùng tập đoàn và các thành viên trong công ty vay tiền. Tuy nhiên, hầu hết các khoản cho vay đã quá hạn thanh toán, do vậy rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là cao.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

0-C  
ỨNG  
; MỎ  
0  
P.HÀ

T. T. N. H. H.  
N. O. I.  
P. H. A.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICO**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.144.650.415				2.144.650.415
Phải thu khách hàng	48.386.269.510			51.084.000	48.437.353.510
Các khoản cho vay	640.000.000			2.110.000.000	2.750.000.000
Các khoản phải thu khác	1.420.099.882				1.420.099.882
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	100.000.000	13.556.756.756			13.656.756.756
<b>Cộng</b>	<b>52.691.019.807</b>	<b>13.556.756.756</b>		<b>2.161.084.000</b>	<b>68.408.860.563</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.293.926.803				3.293.926.803
Phải thu khách hàng	34.948.486.311			51.084.000	34.999.570.311
Các khoản cho vay	40.000.000			2.110.000.000	2.150.000.000
Các khoản phải thu khác	2.083.885.531				2.083.885.531
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.656.756.756				13.656.756.756
<b>Cộng</b>	<b>54.023.055.401</b>			<b>2.161.084.000</b>	<b>56.184.139.401</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	18.304.251.465			18.304.251.465
Phải trả người bán	30.027.638.907			30.027.638.907
Các khoản phải trả khác	5.643.974.335			5.643.974.335
<b>Cộng</b>	<b>53.975.864.707</b>			<b>53.975.864.707</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	18.223.511.172			18.223.511.172
Phải trả người bán	23.755.648.996			23.755.648.996
Các khoản phải trả khác	6.482.302.094			6.482.302.094
<b>Cộng</b>	<b>48.461.462.262</b>			<b>48.461.462.262</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro lãi suất và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	(16.004.251.465)	(16.681.511.172)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(16.004.251.465)</b>	<b>(16.681.511.172)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 320.085.029 VND (năm trước giảm/tăng 333.630.223 VND).

### **Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### **Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2014.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAVICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.144.650.415	-	3.293.926.803	2.144.650.415
Phải thu khách hàng	48.437.353.510	(51.084.000)	34.999.570.311	48.386.269.510
Các khoản cho vay	2.750.000.000	(2.110.000.000)	2.150.000.000	640.000.000
Các khoản phải thu khác	1.420.099.882	-	2.083.885.531	1.420.099.882
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.656.756.756	(3.504.679.551)	13.656.756.756	4.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.408.860.563</b>	<b>(5.665.763.551)</b>	<b>56.184.139.401</b>	<b>57.491.019.807</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	18.304.251.465	18.223.511.172	18.304.251.465	18.119.011.172
Phải trả người bán	30.027.638.907	23.755.648.996	30.027.638.907	23.755.648.996
Các khoản phải trả khác	5.643.974.335	6.482.302.094	5.643.974.335	6.482.302.094
<b>Cộng</b>	<b>53.975.864.707</b>	<b>48.461.462.262</b>	<b>53.975.864.707</b>	<b>48.356.962.262</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC MỎ VINAICO

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Trần Quyết Thắng

Trưởng phòng Tài chính kế toán

Nguyễn Huy Hoàng

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Khiêm

